

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 86 /2008/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 12 tháng 12 năm 2008

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định mức giá tối thiểu tính thuế tài nguyên  
đối với một số loại tài nguyên được khai thác làm nguyên liệu sản xuất  
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh thuế tài nguyên số 05/1998/PL-UBTVQH10 ngày 16/04/1998;

Căn cứ Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03/9/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 147/2006/NĐ-CP ngày 01/12/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03/9/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 42/2007/TT-BTC ngày 27/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03/9/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế Tài nguyên và Nghị định số 147/2006/NĐ-CP ngày 01/12/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 68/1998/NĐ-CP nêu trên;

Căn cứ Quyết định số 16/2008/QĐ-BTC ngày 14/4/2008 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh các mức thuế suất trong biểu thuế tài nguyên ban hành kèm theo Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03/9/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế Tài nguyên và Nghị định số 147/2006/NĐ-CP ngày 01/12/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 68/1998/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục thuế tại tờ trình số 3103/TTr-CT ngày 03/10/2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức giá tối thiểu tính thuế tài nguyên đối với một số loại tài nguyên được khai thác làm nguyên liệu sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

(Bảng danh mục mức đơn giá đính kèm).

**Điều 2.** Giao Cục trưởng Cục thuế tổ chức phổ biến, chỉ đạo và thực hiện mức giá trên theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Mức giá làm căn cứ tính thuế nói ở Điều 1 được áp dụng từ ngày 01/01/2009, thay thế mức giá tối thiểu một số loại tài nguyên khai thác ban hành kèm theo Quyết định số 2228/QĐ-CT.UBT ngày 19/6/1999 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Khi giá bán của loại tài nguyên có biến động lớn ( $\pm 20\%$ ) Cục thuế chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan báo cáo và đề xuất mức giá mới trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục thuế Đồng Nai, Giám đốc các Sở: Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành, Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Tổng Cục thuế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, TH, KT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đình Quốc Thái**

**MỨC GIÁ TỐI THIỂU TÍNH THUẾ TÀI NGUYÊN  
ĐỐI VỚI MỘT SỐ LOẠI TÀI NGUYÊN ĐƯỢC KHAI THÁC LÀM  
NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**  
(Kèm theo Quyết định số 86 /2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Nhóm, loại tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên (đồng)
<b>I</b>	<b>Khoáng sản không kim loại</b>		
1	Khoáng sản không kim loại dùng làm vật liệu xây dựng thông thường	m <sup>3</sup>	
	- Đất khai thác san lấp, xây đắp công trình	m <sup>3</sup>	15.000
2	Khoáng sản không kim loại dùng làm vật liệu xây dựng thông thường khác	m <sup>3</sup>	
	- Sét làm gạch, ngói	m <sup>3</sup>	60.000
	- Đá xây dựng	m <sup>3</sup>	80.000
	- Cát các loại	m <sup>3</sup>	95.000
3	Khoáng sản không kim loại dùng làm vật liệu xây dựng cao cấp		
	- Đá granite	m <sup>3</sup>	2.500.000
4	Khoáng sản không kim loại dùng trong sản xuất công nghiệp		
	- Cao lanh	m <sup>3</sup>	65.000
	- Laterit	tấn	55.000
	- Puzolan	tấn	130.000
5	Than bùn và đất bùn sử dụng làm phân vi sinh	tấn	95.000
<b>II</b>	<b>Sản phẩm rừng tự nhiên</b>		
1	Tre, lồ ô...	cây	2.200

2	Mum	cây	1.000
3	Mây	sợi	500
<b>III</b>	<b>Nước thiên nhiên</b>		
1	Nước thiên nhiên đóng chai, đóng hộp	lít	600
2	Nước thiên nhiên phục vụ sản xuất	m <sup>3</sup>	
	- Nước mặt	m <sup>3</sup>	2.000
	- Nước ngầm	m <sup>3</sup>	4.000

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Dinh Quốc Thái**